

Bản án số: 86/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 18/5/2021
V/v tranh chấp "Ly hôn, nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C, TỈNH T

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

* Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Kim Ngọc Giàu

* Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đỗ Duy Hùng

2. Ông Võ Văn Cường

* Thư ký phiên tòa: Ông Hứa Quốc T – Thư ký Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh T.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh T: Bà Nguyễn Thị Diệu Hiền – Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 5 năm 2021 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh T xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 805/2020/TLST-HNGĐ ngày 15/12/2020 về việc tranh chấp "*Ly hôn, nuôi con*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 57/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 4 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 46/2021/QĐST-HNGĐ ngày 27 tháng 4 năm 2021, giữa các đương sự:

* **Nguyên đơn**: Ông **Phan Văn P**, sinh năm 1968.

Địa chỉ: Ấp L, xã M, huyện C, tỉnh T.

* **Bị đơn**: Bà **Huỳnh Thị P2**, sinh năm 1968.

Địa chỉ: Ấp L, xã M, huyện C, tỉnh T.

(Ông P; Bà P2 có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện, các ý kiến và yêu cầu trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Phan Văn P trình bày:

Ông với bà P2 xác lập quan hệ vợ chồng vào năm 1994 đến năm 2007 ông bà mới đăng ký kết hôn và được UBND xã M, huyện C, tỉnh T cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn ngày 09 tháng 5 năm 2007.

Vợ chồng chung sống với nhau hạnh phúc được một thời gian, đến tháng 02 năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống, không hợp nhau, ông không còn tin tưởng bà P2. Từ đó vợ chồng thường xuyên phát sinh cự cãi, hiện ông bà sống với nhau đã không còn hạnh phúc. Vợ chồng xét thấy tình cảm không còn, không thể tiếp tục sống chung với nhau được nữa. Nay ông xin được ly hôn với bà Huỳnh Thị P2. Về con chung: Có 02 con chung tên là Phan Huỳnh T, sinh ngày 02/5/1997 và Phan Huỳnh D, sinh ngày 06/12/2003. Khi ly hôn ông đồng ý tiếp tục giao cháu Phan Huỳnh D cho bà Huỳnh Thị P2 nuôi dưỡng, ông không phải cấp dưỡng nuôi con. Riêng đối với con chung Phan Huỳnh T đã trưởng thành và tự lao động được nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về tài sản chung: Có tài sản chung nhưng ông bà tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung: Không có.

** Tại tờ tự khai ngày 08 tháng 01 năm 2021, các ý kiến và yêu cầu trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn bà Huỳnh Thị P2 trình bày:*

Bà thống nhất với lời trình bày của ông P về quá trình tiến đến hôn nhân, về con chung nhưng theo bà thì giữa bà và ông P không có mâu thuẫn gì, chủ yếu là do ông P ghen tuông ảo tưởng bà ngoại tình nên vợ chồng có cự cãi không có mâu thuẫn gì lớn, ông P dọn qua bên chỗ làm ở lò rèn gần nhà từ tháng 6 năm 2020 đến nay.

Nay ông P yêu cầu ly hôn với bà, bà không đồng ý vì còn thương ông P và xét thấy mâu thuẫn không lớn.

- Về con chung: Có 02 con chung tên là Phan Huỳnh T, sinh ngày 02/5/1997 và Phan Huỳnh D, sinh ngày 06/12/2003. Trường hợp Tòa án cho ly hôn bà yêu cầu được nuôi cháu Phan Huỳnh D, sinh ngày 06/12/2003, không yêu cầu ông P phải cấp dưỡng nuôi con. Riêng cháu Phan Huỳnh T, sinh ngày 02/5/1997 đã trưởng thành và tự lao động được nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Có tài sản chung nhưng ông bà tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có.

Tại phiên tòa hôm nay:

- Ông P: Vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn với bà P2; Về con chung khi ly hôn ông đồng ý giao cháu Phan Huỳnh D, sinh ngày 06/12/2003 cho bà P2 nuôi dưỡng, ông không phải cấp dưỡng nuôi con. Riêng cháu Phan Huỳnh T, sinh ngày 02/5/1997 đã trưởng thành và tự lao động được nên không yêu cầu Tòa án giải quyết; Tài sản chung: ông, bà tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết; Nợ chung: Không có.

- Bà P2: Đối với yêu cầu ly hôn của ông P, bà không đồng ý vì còn thương chồng, con. Trường hợp Tòa án cho ly hôn bà yêu cầu được nuôi cháu Phan Huỳnh D, sinh ngày 06/12/2003, không yêu cầu ông P phải cấp dưỡng nuôi con. Riêng cháu Phan Huỳnh T, sinh ngày 02/5/1997 đã trưởng thành và tự lao động được nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về tài sản chung: Có tài sản chung nhưng ông bà tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung: Không có.

- Phát biểu của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa: Quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án thẩm phán, thư ký, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật, người tham gia tố tụng nguyên đơn thực hiện đầy đủ nghĩa vụ của mình khi tham gia tố tụng. Bị đơn vắng mặt phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải không đảm bảo theo quy định tại khoản 16 Điều 70 Bộ luật tố tụng dân sự.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đối với yêu cầu khởi kiện của ông P có cơ sở chấp nhận bởi lẽ, ông P và bà P2 xác lập quan hệ vợ chồng năm 1994, có đăng ký kết hôn năm 2007 tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện C, tỉnh T. Cả hai chung sống hạnh phúc đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cự cãi gây mất hạnh phúc và đã ly thân từ tháng 06 năm 2020 đến nay, chính quyền địa P cũng xác nhận ông P, bà P2 đã ly thân. Tại phiên tòa ông P kiên quyết xin ly hôn vì ông không còn tình cảm với bà P2, còn bà P2 thì không đồng ý tuy nhiên từ khi ly thân cho đến nay đã lâu nhưng bà P2 không có biện pháp hàn gắn hạnh phúc gia đình. Từ đó cho thấy mâu thuẫn giữa ông P và bà P2 đã trầm trọng dẫn đến mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó yêu cầu xin ly hôn của ông P là có cơ sở để chấp nhận phù hợp với quy định tại Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

- Về con chung: Có 02 con chung là Phan Huỳnh T, sinh ngày 02/5/1997 và Phan Huỳnh D, sinh ngày 06/12/2003. Đối với T đã trưởng thành không yêu cầu giải quyết nên không xem xét, đối với D hiện đang sống cùng bà P2 nên bà P2 yêu cầu được nuôi dưỡng D, không yêu cầu ông P phải cấp dưỡng. Ông P cũng đồng ý nên ghi nhận sự thỏa thuận này, giao cháu D cho bà P2 nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

Từ những phân tích trên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 51, 56, 81, Luật Hôn nhân và gia đình, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông P. Giao con chung Phan Huỳnh D cho bà P2 tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Ông Phan Văn P và bà Huỳnh Thị P2 kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào ngày 09 tháng 5 năm 2007 tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện C, tỉnh T nên được pháp luật công nhận là vợ chồng theo quy định tại Điều 8 và Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình. Nay ông P và bà P2 phát sinh mâu thuẫn, nên ông P xin ly hôn với bà P2. Bà Huỳnh Thị P2 đăng ký hộ khẩu thường trú tại Ấp L, xã M, huyện C, tỉnh T. Vì vậy tranh chấp thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh T theo quy định khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Tòa án nhân dân huyện C đã thụ lý vụ án và đã tiến hành các thủ tục pháp lý triệu tập đương sự đến Tòa án để tự khai; tiến hành phiên họp kiểm tra, việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, tiến hành thu thập chứng cứ đúng theo quy định của pháp luật.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Ông P và bà P2 thống nhất trình bày do mai mối và có thời gian tìm hiểu 03 năm ông, bà mới tiến đến hôn nhân có đăng ký kết hôn vào ngày 09 tháng 5 năm 2007 tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện C, tỉnh T. Ông, bà sống hạnh phúc đến tháng 02 năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn.

Theo ông P thì nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống, không hợp nhau, ông không còn tin tưởng bà P2. Từ đó vợ chồng thường xuyên phát sinh cự cãi. Ông và bà P2 đã ly thân từ tháng 02 năm 2020 đến nay. Nhận thấy hạnh phúc không còn nên ông yêu cầu ly hôn với bà P2.

Bà P2 cho rằng giữa bà và ông P không có mâu thuẫn gì, chủ yếu là do ông P ghen tuông ảo tưởng bà ngoại tình nên vợ chồng có cự cãi không có mâu thuẫn gì lớn. Bà và ông P ly thân chưa được 01 năm. Nay ông P yêu cầu ly hôn với bà, bà không đồng ý ly hôn vì còn thương chồng, con.

Hội đồng xét xử xét thấy, trong đời sống hôn nhân ông P và bà P2 đã xảy ra mâu thuẫn. Mặc dù ông P và bà P2 trình bày không thống nhất thời gian ly thân nhưng đến thời điểm hiện tại đã ly thân gần một năm nhưng giữa ông P và bà P2 vẫn không khắc phục được mâu thuẫn của tình trạng hôn nhân, vẫn không thể hàn gắn đoàn tụ. Bà P2 có ý kiến không đồng ý ly hôn vì còn thương chồng, con. Đồng thời bà P2 cho rằng giữa bà và ông P không có mâu thuẫn gì lớn do ông P ghen tuông ảo tưởng bà ngoại tình nên vợ chồng có cự cãi nhưng bà không có biện pháp nào thể hiện khả năng đoàn tụ của bà và ông P, cũng như

hàn gắn hạnh phúc gia đình. Tòa án đã hòa giải nhiều lần tạo điều kiện cho các bên dàn xếp mâu thuẫn gia đình nhưng bà P2 bỏ mặc không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ các lần tiếp theo để cung cấp tài liệu, chứng cứ cho lời trình bày của bà; tham gia hòa giải để thể hiện nguyện vọng của bà là muốn duy trì quan hệ hôn nhân của ông, bà. Tại phiên tòa ông P xác định không còn tình cảm và tin tưởng bà P2, không thể tiếp tục sống chung với bà P2 được nữa và kiên quyết xin ly hôn. Do đó, đã đủ cơ sở xác định tình trạng hôn nhân của ông, bà đã không còn hạnh phúc, trong cuộc sống hôn nhân không còn tiếng nói chung, không còn sự cảm thông, tin tưởng lẫn nhau, nên dẫn đến cự cãi làm cho mục đích hôn nhân không đạt được. Nếu kéo dài hôn nhân cũng không đảm bảo tồn tại lâu dài. Vì vậy, yêu cầu xin ly hôn của ông P là có căn cứ, phù hợp quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Giữa ông P và bà P2 có 02 con chung tên là Phan Huỳnh T, sinh ngày 02/5/1997 và Phan Huỳnh D, sinh ngày 06/12/2003. Ông P và bà P2 đều thống nhất tiếp tục giao cháu Phan Huỳnh D, sinh ngày 06/12/2003 cho bà P2 nuôi dưỡng, ông P không phải cấp dưỡng nuôi con. Riêng cháu Phan Huỳnh T, sinh ngày 02/5/1997 đã trưởng thành và tự lao động được nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Hội đồng xét xử xét thấy từ khi ông P và bà P2 ly thân do bà P2 nuôi dưỡng cháu D và sự thỏa thuận về con chung của ông bà là tự nguyện nên cần giữ nguyên hiện trạng, tiếp tục giao cháu Phan Huỳnh D, sinh ngày 06/12/2003 cho bà P2 tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp. Riêng cháu Phan Huỳnh T, sinh ngày 02/5/1997, ông P và bà P2 xác định đã trưởng thành và tự lao động được nên không Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[4] Về tiền cấp dưỡng nuôi con chung: Bà P2 không yêu cầu ông P cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

Ông Phan Văn P có quyền tới lui, thăm nom chăm sóc, giáo dục con chung theo quy định pháp luật.

[5] Về tài sản chung: Ông P, bà P2 xác định có tài sản chung nhưng ông bà tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[6] Về nợ chung: Ông P và bà P2 xác định không có nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[7] Về án phí: Ông Phan Văn P phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy

định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xét đề nghị của Vị Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là phù hợp, cần chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Các Điều 28, 35, 39, 147, 271, 273, 278, 280 Bộ luật tố tụng dân sự;
- Các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình;
- Các Điều 24, 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận cho ông Phan Văn P được ly hôn với bà Huỳnh Thị P2.

2. Về con chung: Tiếp tục giao con chung là cháu Phan Huỳnh D, sinh ngày 06/12/2003 cho bà Huỳnh Thị P2 nuôi dưỡng. Ông Phan Văn P không phải cấp dưỡng nuôi con do bà P2 không có yêu cầu. Riêng cháu Phan Huỳnh T, sinh ngày 02/5/1997 đã trưởng thành và tự lao động được nên không đặt ra xem xét giải quyết.

Ông Phan Văn P có quyền tới lui, thăm nom chăm sóc, giáo dục con chung theo quy định pháp luật.

3. Về tài sản chung: Không giải quyết do không có yêu cầu.

4. Về nợ chung: Không có.

5. Về án phí: Ông Phan Văn P phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Ông P đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0004543 ngày 15/12/2020 của Chi Cục Thi hành án dân sự huyện C. Xem như ông P đã thi hành xong phần án phí.

6. Ông P, bà P2 có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử lại theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

- Các đương sự;
- VKSND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- UBND nơi ĐKKH;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

NGUYỄN KIM NGỌC GIÀU

